

Số: 282/QĐ-UBND

Thành phố Lai Châu, ngày 30 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Bồi thường, hỗ trợ dự án: Hệ thống
thoát nước thải sinh hoạt thành phố Lai Châu**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu về việc ban hành Quy định một số nội dung về trình tự thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 2331/QĐ-UBND ngày 25/11/2022 của UBND thành phố Lai Châu về việc Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư bổ sung lần 1 dự án: Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt thành phố Lai Châu;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lai Châu tại Tờ trình số 1042/TTr-TNMT ngày 29/11/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình ông Trần Văn Tinh - Cư trú tại bản Càng Đẳng, xã San Thàng, thành phố Lai Châu, cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ Chủ đầu tư phải chi trả là: 684.364.608 đồng.

(Bằng chữ: Sáu trăm tám mươi tư triệu, ba trăm sáu mươi tư nghìn, sáu trăm linh tám đồng).

(Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo)

2. Thời gian, địa điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và thời gian bàn giao đất đã thu hồi:

- Thời gian: Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện xong việc niêm yết công khai Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ dự án.

- Địa điểm tại Trụ sở UBND xã San Thành.

- Thời gian bàn giao đất đã thu hồi: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố chi trả xong tiền bồi thường, hỗ trợ thì hộ gia đình ông Trần Văn Tinh có trách nhiệm bàn giao đất sạch cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố; Trưởng các phòng: Tài nguyên - Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế, Quản lý đô thị; Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất, Ban quản lý dự án thành phố; Chủ tịch UBND xã San Thành, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và hộ gia đình, cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Chủ tịch UBND thành phố (b/c);
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



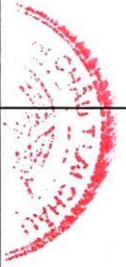
Đỗ Văn Xiêng

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ BỔ SUNG LẦN 1

Dự án: Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt thành phố Lai Châu

(Kèm theo Quyết định số 2892/QĐ-UBND, ngày 30 tháng 11 năm 2022 của UBND thành phố Lai Châu)

I T	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền	Ghi chú
1	2	3	4	5	(6=4*5)	7
1	Hộ ông Trần Văn Tinh					
	Địa chỉ: bản Căng Đẳng, xã San Thàng, thành phố Lai Châu					
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b+c+d)				684.364.608	
a	Về đất				109.279.500	
1	Diện tích thu hồi	m ²	2.960,1			
2	Loại đất					
	Đất trồng lúa 1 vụ	m ²	2.838,0	37.000	105.006.000	
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	m ²	122,1	35.000	4.273.500	
	Vị trí (VT1)					
	Nguồn gốc: Gia đình ông Trần Văn Tinh bị thu hồi 11 thửa đất tổng diện tích thu hồi 3.977,9 m² gồm thửa đất số 547, 548, 549, 550, 551, 552, 553, 554, 555, 556, 557 tờ BĐ số 133 (Theo BĐ trích đo thu hồi dự án). Đối chiếu hồ sơ địa chính phần diện tích thu hồi, có nguồn gốc cụ thể như sau: + Phần diện tích thu hồi thuộc một phần thửa đất số 1,39,40, 41,88,89,96,97,147,148,156,157,159; tờ BĐ số 133 đã được cấp sổ số BC467263 do UBND TX Lai Châu (nay là TP Lai Châu) cấp ngày 12/5/2012 mang tên ông Trần Văn Tinh và bà Vui Thị Ế; thửa đất số 192,193 ; tờ BĐ số 133 đã được cấp sổ số BC467264 do UBND TX Lai Châu (nay là TP Lai Châu) cấp ngày 12/5/2012 mang tên ông Trần Văn Tinh và bà Vui Thị Ế. (Trong đó phần diện tích thu hồi thửa 547, tờ bản đồ 133 theo trích đo thu hồi, diện tích 1.017,8m²: Có 103,2 m² đất BHK thuộc một phần thửa đất số 41, tờ bản đồ 133 và 914,6 m² đất LUK) + Phần diện tích đất thu hồi thuộc một phần thửa 353,354, tờ bản đồ 134 đã cấp GCN cho ông Vàng Văn Quý và bà Trần Thị Đàm do UBND thị xã Lai Châu cấp ngày 05/12/2012. Hiện trạng ông Trần Văn Tinh đang quản lý, sử dụng có nguồn gốc do gia đình ông Trần Văn Tinh khai hoang từ trước năm 1993 và sử dụng với mục đích trồng lúa sử dụng ổn định từ đó đến nay. Nguyên nhân do giấy chứng nhận cấp sai chủ sử dụng đất, ranh giới thửa đất. (Có biên bản họp kèm theo) Đề nghị Phòng Tài nguyên và Môi trường tham mưu UBND thành phố thu hồi GCN cấp sai cho ông ông Vàng Văn Quý và bà Trần Thị Đàm số BC467267. + Phần diện tích thu hồi chồng lấn của thửa đất số 42,94,158, 191,143,194, tờ BĐ số 133 thông tin theo BĐ địa chính đang quy loại đất DTL, BCS do UBND xã quản lý. Tuy nhiên phần diện tích này hiện do ông Trần Văn Tinh đang quản lý, sử dụng có nguồn gốc do gia đình ông Trần Văn Tinh khai hoang từ trước năm 1993 và sử dụng với mục đích trồng lúa sử dụng ổn định từ đó đến nay. Hiện trạng giữa bản đồ đo đạc địa chính và bản đồ thu hồi đất không khớp nhau. Nguyên nhân do bản đồ đo đạc năm 1998 có sai số và bản đồ năm 2013 là số hóa từ bản đồ đo đạc năm 1998. Mục đích sử dụng: Đất trồng lúa, đất bằng trồng cây hàng năm khác. Gia đình sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp.					
b	Tài sản vật kiến trúc (Toàn bộ tài sản do ông Trần Văn Tinh tạo lập năm 2016. Khi tạo lập tài sản không bị lập biên bản vi phạm hành chính. Tài sản được tạo lập trước khi có kế hoạch sử dụng đất để thực hiện dự án. Tài sản sử dụng ổn định, không có tranh chấp)				139.669.320	
	Tài sản tạo lập phục vụ sản xuất nông nghiệp đúng mục đích khi tạo lập không bị lập biên bản vi phạm hành chính về xây dựng tạo lập trước kế hoạch sử dụng đất bồi thường bằng 100% đơn giá mức bồi thường theo điểm c khoản 7 Điều 21 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu					

I	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền	Ghi chú
1	2	3	4	5	(6=4*5)	7
1	Kè đá xây (2,7*0,5*81) kè suối	m ³	109,4	392.700	42.941.745	
2	Mương đào thủ công (2*1,7*40)	m ³	136,0	82.500	11.220.000	
3	Lưới cước (50*1,5)	m ²	75,0	5.000	375.000	
4	Kè đá xây (2,7*0,5*160) kè suối	m ³	216,0	392.700	84.823.200	
5	Mương đào thủ công (0,5*0,5*15)	m ³	3,8	82.500	309.375	
c	Cây cối hoa màu trên đất				2.571.288	
1	Cây xoan D40, H6m *1 cây	kg	0,8	480.000	361.728	Cây trồng giáp bờ suối
2	Cây xoan D30, H5m *1 cây	Cây	0,4	480.000	169.560	
3	Cây lấy gỗ d= 10-25 cm	Cây	20,0	42.000	840.000	
4	Cây tre d= 5-10 cm	Cây	40,0	30.000	1.200.000	
d	Chính sách hỗ trợ				432.844.500	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 4 lần giá đất lúa 1 vụ theo điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu	đồng/m2	2.838,0	148.000	420.024.000	
2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 3 lần giá đất bằng trồng cây hàng năm khác theo điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu	đồng/m2	122,1	105.000	12.820.500	

